TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST.
Ngày: 09/02/2023.
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Huỳnh Thị Kim H

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đặng Văn M

- Ông Nguyễn Thanh S

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Văn T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị S - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2022/TLST – DS ngày 08 tháng 6 năm 2022, về việc: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-DS ngày 09/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 09/01/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân Thuận Đức.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Trần Thị Khánh P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thương H, sinh năm 1983, chức vụ: Phó giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân T.

Địa chỉ: thôn 2, xã H, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1990 và ông Hồng Thanh S, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: thôn 1, xã H, huyện H, tỉnh B.

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Thuận Đức do ông Nguyễn Thương H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 07/01/2020, Quỹ tín dụng nhân dân T đã ký hợp đồng tín dụng số 66/HĐTD - QTDTĐ với bà Trần Thị Thu H1 và ông Hồng Thanh S với số tiền vay 40.000.000đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn 19,38%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm và có sự điều chỉnh lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước và thoả thuận của hai bên, mục đích sử dụng vốn vay: mua xe máy, hình thức bảo đảm tiền vay tín chấp, phương thức trả nợ gốc và lãi chia đều cho 12 tháng, trả hàng ngày cho tổ trưởng tổ trả góp với số tiền là 128.000đồng/ngày, tổng cộng số ngày trả góp thực tế là 358 ngày. Ngày nhận tiền vay 07/01/2020, ngày đến hạn trả nợ 30/12/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay trả góp bà H1, ông S thực hiện trả gốc và lãi đầy đủ được 8 tháng đầu từ ngày 08/01/2020 đến ngày 13/9/2020. Sau ngày 13/9/2020 đến ngày khởi kiện bà H1, ông S không trả gốc và lãi nữa nên tổ trưởng tổ trả góp và cán bộ tín dụng vận động bà H1, ông S thực hiện việc trả nợ theo cam kết nhưng vẫn không trả nợ theo quy định của Quỹ tín dụng nhân dân T. Nay Quỹ tín dụng nhân dân Thuận Đức khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thu H1 và ông Hồng Thanh S phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Thuận Đức số tiền nợ tính đến ngày 09/02/2023 tổng cộng là 20.489.100đồng, trong đó nợ gốc là 10.732.066đồng, nợ lãi gồm: Lãi trong hạn là 7.363.734đồng, lãi quá hạn là 2.393.300đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 09/02/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn bà Trần Thị Thu H1 và ông Hồng Thanh S vắng mặt nên không có bản khai tại hồ sơ.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H1, ông S đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 203 và Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân T, buộc bị đơn bà Trần Thị Thu H1 và ông Hồng Thanh S có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Thuận Đức số tiền 20.489.100đồng, trong đó nợ tiền gốc là 10.732.066đồng, nợ tiền lãi trong hạn là 7.363.734đồng, nợ tiền lãi quá hạn là 2.393.300đồng và lãi suất phát sinh sau ngày 09/02/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 66/HĐTD-QTDTĐ ngày 07/01/2020. Bị đơn có địa chỉ tại thôn 1, xã H, huyện H, tỉnh B. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thương H vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trần Thị Thu H1 và ông Hồng Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 66/HĐTD-QTDTĐ ký ngày 07/01/2020 giữa Quỹ tín dụng nhân dân Thuận Đức với bà Trần Thị Thu H1 và ông Hồng Thanh S thì tại thời điểm ký kết hợp đồng Quỹ tín dụng nhân dân T có đầy đủ tư cách pháp nhân; bà Trần Thị Thu H1 và ông Hồng Thanh S có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; các bên giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, các bên đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng số 66/HĐTD-QTDTĐ ký ngày 07/01/2020 và các văn bản kèm theo giữa các bên được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Theo Hợp đồng tín dụng số 66/HĐTD-QTDTĐ ký ngày 07/01/2020 và các văn bản kèm theo thì Quỹ tín dụng nhân dân Thuận Đức đã cho bà Trần Thị Thu H1 và ông Hồng Thanh S vay số tiền gốc là 40.000.000đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn 19,38%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm và có sự điều chỉnh lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước và thoả thuận của hai bên, mục đích sử dụng vốn vay: mua xe máy, hình thức bảo đảm tiền vay tín chấp, phương thức trả nợ gốc và lãi chia đều cho 12 tháng, trả hàng ngày cho tổ trưởng tổ trả góp với số tiền là 128.000đồng/ngày, tổng cộng số ngày trả góp thực tế là 358 ngày. Từ ngày vay cho đến nay bà H1, ông S trả gốc và lãi được 8 tháng thì không thực hiện trả tiền gốc và lãi như hợp đồng đã ký mặc dù đã được tổ trưởng tổ trả góp và cán bộ tín dụng nhắc nhở, từ ngày 13/9/2020 khoản nợ trên đã chuyển S nợ quá hạn theo quy định của Quỹ tín dụng. Tính đến ngày 09/02/2023 số tiền mà bà H1, ông S còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân Thuận Đức là 20.489.100đồng, trong đó nợ tiền gốc là 10.732.066đồng, nợ tiền lãi trong hạn là 7.363.734đồng, nợ tiền lãi quá hạn là 2.393.300đồng.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng tín dụng trên có hình thức và nội dung thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ vào nội dung đã được các bên thỏa thuận ký kết về thời hạn cho vay và thời hạn thanh toán nợ. Xét thấy bà H1 và ông S không thực hiện nghĩa vụ đúng cam kết theo hợp đồng đã ký, vi phạm các điều kiện ký kết trong hợp đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết, đã nhiều lần cho bà H1, ông S cơ hội để khắc phục, thực hiện việc trả nợ cho Quỹ tín dụng nhưng bà H1, ông S cố tình vắng mặt không thực hiện việc trả nợ. Do vậy, Quỹ tín dụng nhân dân Thuận Đức yêu cầu bà Trần Thị Thu H1, ông Hồng Thanh S phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Thuận Đức số tiền nợ tính đến ngày 09/02/2023 tổng cộng là 20.489.100đồng, trong đó nợ tiền gốc là 10.732.066đồng, nợ tiền lãi trong hạn là 7.363.734đồng, nợ tiền lãi quá hạn là 2.393.300đồng và lãi suất phát sinh sau ngày 09/02/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân T là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, buộc bà Trần Thị Thu H1, ông Hồng Thanh S phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền nợ tính đến ngày 09/02/2023 tổng cộng là 20.489.100đồng, trong đó nợ tiền gốc là 10.732.066đồng, nợ tiền lãi

trong hạn là 7.363.734đồng, nợ tiền lãi quá hạn là 2.393.300đồng và lãi suất phát sinh sau ngày 09/02/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân T.

[4] *Về án phí:* Bà Trần Thị Thu H1, ông Hồng Thanh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Quỹ tín dụng nhân dân Thuận Đức không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 203, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 328, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Thuận Đức.

Buộc bà Trần Thị Thu H1, ông Hồng Thanh S phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền nợ tính đến ngày 09/02/2023 tổng cộng là 20.489.100đồng, trong đó nợ tiền gốc là 10.732.066đồng, nợ tiền lãi trong hạn là 7.363.734đồng, nợ tiền lãi quá hạn là 2.393.300đồng và lãi suất phát sinh sau ngày 09/02/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày giải quyết sơ thẩm (ngày 09/02/2023) bà H1, ông S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng cho vay.

2/ Về án phí: Bà Trần Thị Thu H1, ông Hồng Thanh S phải chịu 1.024.455đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quỹ tín dụng nhân dân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Thuận Đức số tiền 343.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010862 ngày 08/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh B.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS H.H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Huỳnh Thị Kim H